

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B án số: 03/2019/HC-PT

Ngày: 14/11/2019.

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính và
yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;
Bà Nguyễn Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 04/2019/QĐ-PT ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1938; thường trú: Số 11 ĐBP, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Khu phố TAn, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Nguyễn Tấn Th – Là Luật sư của Văn phòng Luật sư HS thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 18 PBC, Phường 14, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Là Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên HVS thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Nguyễn Cư Trinh, phường NCT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Ông Đặng Gia H1 – Là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh HP và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Đường số 4, Phường 16, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người bị kiện*: Công An thị xã TA, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Đường NVT, khu phố BH, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Văn T1 – Phó Trưởng Công An thị xã TA, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy ủy quyền số 206/GUQ-CATX-CTHC ngày 20/3/2019); có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Công an phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương, do ông Nguyễn Văn H2 – Trưởng Công an phường TG làm đại diện; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố TL, phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Trần Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 2/8, khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Quang N1, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Ông Tạ Quốc T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố THB, phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Ông Dương Thanh S, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp Tân Hà, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; vắng mặt.

8. Ông Lê Minh T3, địa chỉ: K3, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1938; thường trú: Số 11 ĐBP, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Khu phố TAn, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương là người khởi kiện; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 29/4/2016, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ B (sau đây gọi tắt là ông B) trình bày: Ngày 18/3/2009, ông B thuê phòng trọ tại Nhà trọ Trần Thị G (do Lê Thị Thanh T quản lý), địa chỉ: Số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA (nay là số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA), tỉnh Bình Dương với giá thuê thời điểm đó là 180.000 đồng/tháng (kể cả tiền điện, nước). Ông B thuê Phòng trọ số 1T, vào ngày 18 hàng tháng ông B đóng tiền thuê, mỗi lần đóng tiền ông B đều yêu cầu bà Lê Thị Thanh T (sau đây gọi tắt là bà T) ký xác nhận. Ông B thuê ở từ ngày 18/3/2009 đến ngày 28/4/2010, giữa ông B với bà T không có mâu thuẫn gì. Ngày 28/4/2010, ông B đi làm khóa cửa cẩn thận, chiều tối về ông B thấy cửa méo mó và khóa ổ khóa khác. Ông B hỏi thì được biết bà T thuê người cắt ổ khóa phòng trọ trong lúc ông B không có nhà. Do cửa bị phá nên ông B giữ nguyên hiện trường, làm đơn trình báo chính quyền địa phương là Công an xã TG và Công an huyện TA để yêu cầu giải quyết. Đến 11 giờ trưa ngày 03/5/2010, Công an huyện TA và Công an xã TG đã lập biên bản để mở cửa khóa Phòng trọ số 1T là phòng ông B thuê để kiểm tra lại tài sản. Sau khi kiểm tra, ông B phát hiện bị mất số tiền 26.800.000 đồng. Sau khi lập biên bản, Công an

huyện TA đã tiến hành niêm phong phòng theo biên bản niêm phong ngày 03/5/2010, nhưng ông B không ký vào biên bản này vì tài sản Công an liệt kê trong biên bản là không đầy đủ.

Sau đó, ông B làm đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bà Lê Thị Thanh T và những người có liên quan tới việc cắt ổ khóa, xâm nhập chỗ ở một cách trái pháp luật và trộm cắp tiền của ông B. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA xác định không có sự việc phạm tội xảy ra tại phòng trọ của ông B và ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do vụ án không được khởi tố nên ông B nhiều lần đến Công an huyện TA yêu cầu hủy bỏ niêm phong, trả lại tài sản cho ông B nhưng Công an huyện TA không thực hiện.

Ngày 29/4/2016, ông B khởi kiện vụ án hành chính tới Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương nhưng Tòa án nhân dân thị xã TA đình chỉ giải quyết vụ án với lý do ông B không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án. Ông B kháng cáo nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, nên ông B khiếu nại giám đốc thẩm và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy quyết định của Tòa án nhân dân thị xã TA và quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương vì yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Ông B xác định ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Công an thị xã TA chấm dứt hành vi trái pháp luật là niêm phong tài sản của ông B tại Phòng trọ 1T, cơ sở Nhà trọ địa chỉ 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

- Yêu cầu Công an thị xã TA giao trả lại cho ông B các tài sản như sau:

- + Số tiền 26.800.000 đồng ông B để trong gói tại Phòng trọ số 1T, khu Nhà trọ số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA đã bị mất;

- + Số tiền 370.000 đồng khi niêm phong nhà trọ;

- + 01 xe mô tô biển số 63FA-7540, số máy 214893, số khung 236095. Trường hợp không giao trả đúng xe thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 75.000.000 đồng;

- + 01 xe mô tô biển số 60FE-6895, số máy 6279274, số khung 627943. Trường hợp không giao trả đúng xe thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng;

- + 01 xe đạp thể thao do Nhật Bản sản xuất (không rõ loại xe). Trường hợp không giao trả đúng xe thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng;

- + 01 tivi 36 inch do Nhật Bản sản xuất (không rõ loại tivi). Trường hợp không giao trả đúng tivi này thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng;

- + 02 radio National hãng Nhật Bản. Trường hợp không giao trả đúng 02 radio này thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng;

- + 01 dàn âm ly chính hãng Nhật Bản, nhưng không nhớ nhãn hiệu (không nhớ chi tiết từng bộ phận). Trường hợp không giao trả đúng dàn âm ly này thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 12.330.000 đồng;

- + 01 đầu đĩa chính hãng Nhật Bản nhưng không nhớ nhãn hiệu. Trường hợp không giao trả đúng đầu đĩa này thì ông B yêu cầu bồi thường số tiền 5.400.000 đồng;

- + 02 loa thùng chính hãng Nhật Bản nhưng không nhớ nhãn hiệu. Trường hợp không giao trả đúng loa thùng này thì ông B yêu cầu bồi thường: 22.500.000 đồng;

+ 01 quạt máy chính hãng Nhật Bản nhưng không nhớ nhãn hiệu. Trường hợp không giao trả đúng quạt máy này thì ông B yêu cầu bồi thường: 1.000.000 đồng;

+ 01 nồi cơm điện chính hãng Nhật Bản nhưng không nhớ nhãn hiệu. Trường hợp không giao trả đúng nồi cơm điện này thì ông B yêu cầu bồi thường: 500.000 đồng.

+ 01 ấm đun nước chính hãng Nhật Bản nhưng không nhớ nhãn hiệu. Trường hợp không giao trả đúng ấm đun nước này thì ông B yêu cầu bồi thường: 500.000 đồng;

+ 10 bộ vỏ xăm mô tô hãng Kenda. Trường hợp không giao trả đúng vỏ xăm này thì ông B yêu cầu bồi thường $430.000 \text{ đồng/bộ} \times 10 \text{ bộ} = 4.300.000 \text{ đồng}$;

+ 10 bộ phớt chắn 3 + phớt nhún trước Honda Wave. Trường hợp không giao trả đúng thì ông B yêu cầu bồi thường $1.300.000 \text{ đồng/bộ} \times 10 \text{ bộ} = 13.000.000 \text{ đồng}$;

+ 10 bộ phớt nhún sau Honda Wave anpha. Trường hợp không giao trả đúng thì ông B yêu cầu bồi thường $650.000 \text{ đồng/bộ} \times 10 \text{ bộ} = 6.500.000 \text{ đồng}$;

+ 10 cái bình xăng con Honda Wave anpha. Trường hợp không giao trả đúng thì ông B yêu cầu bồi thường $850.000 \text{ đồng/cái} \times 10 \text{ cái} = 8.500.000 \text{ đồng}$;

+ 10 bộ mâm điện 06 cuộn Honda Wave anpha. Trường hợp không giao trả đúng mâm thì ông B yêu cầu bồi thường $400.000 \text{ đồng/bộ} \times 10 \text{ bộ} = 4.000.000 \text{ đồng}$;

+ Rất nhiều bạc đạn xe máy, phụ tùng xe máy, IC, mô bin sườn bỏ trong nhiều bao tải (không nhớ số lượng cụ thể). Trường hợp không giao trả đúng những thứ này thì phải bồi thường cho ông B số tiền 80.000.000 đồng.

Ông B xác định: Ông B yêu cầu nhận bằng hiện vật mà Công an thị xã TA đã niêm phong. Trường hợp Công an thị xã TA không còn hiện vật để giao như ông B đã trình bày thì ông B yêu cầu bồi thường giá trị bằng tiền với tổng số tiền là 317.700.000 đồng.

- Do Công an thị xã TA có hành vi trái pháp luật, niêm phong tài sản của ông B không có căn cứ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông B, làm thiệt hại những chi phí như sau: Mất công ăn việc làm, chi phí thuê xe đi lại do xe bị niêm phong và các chi phí khác phát sinh, mỗi ngày thiệt hại 300.000 đồng. Vì vậy, ông B yêu cầu Công an thị xã TA phải bồi thường bằng tiền cho ông B các thiệt hại do hành vi trái pháp luật của Công an thị xã TA gây ra tính từ ngày 03/5/2010 đến ngày 24/7/2019 với thời gian 09 năm 02 tháng 21 ngày, thành tiền là 1.009.800.000 đồng.

* *Tại Văn bản số 207/CATX-CTHC ngày 20/3/2019, người bị kiện Công an thị xã TA trình bày:* Ngày 28/4/2010, Công an thị xã TA tiếp nhận đơn tố giác của ông Nguyễn Sỹ B trình báo về việc bị bà Lê Thị Thanh T tự ý mở khoá Phòng trọ 1T (do ông B thuê) thuộc cơ sở trọ của bà G (do bà T quản lý), địa chỉ số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA (nay là khu phố BT, phường TG, thị xã TA), tỉnh Bình Dương và mất số tiền 26.000.000 VNĐ được cất giấu trong gói nằm để tại phòng trọ. Sau khi tiếp nhận tin tố giác, Công an huyện TA đã phân công cán bộ là ông Nguyễn Minh Q phối hợp cùng Công an xã TG đến cơ sở trọ của bà T để xác minh nội dung tố giác và xác định sự việc như sau: Bà T gặp và yêu cầu ông B đóng tiền thuê nhà trọ, tiền điện, tiền nước (do ông B thuê Phòng trọ 1T nhưng không đóng tiền thuê đúng hạn và thiếu tiền điện, tiền nước nhiều tháng), đồng thời thông báo cho ông B tăng giá thuê phòng trọ. Ông B

không đóng tiền mà còn cạ cãi với bà T. Bà T không cho ông B thuê Phòng trọ 1T nữa, yêu cầu ông B trả phòng nhưng ông B không đồng ý mà còn thách thức và khóa cửa phòng trọ bỏ đi. Ngay sau đó, bà T nhờ một số người xung quanh chứng kiến và cắt ổ khóa Phòng trọ 1T rồi dùng ổ khóa khác thay vào. Sau đó, ông B về thấy sự việc nên tố giác đến Công an huyện TA.

Ngày 29/4/2010, Công an huyện TA (do ông Q đại diện) mời bà T, ông B và đại diện Công an xã TG cùng có mặt tại Phòng trọ 1T để bà T mở cửa phòng kiểm tra thực tế tại phòng, trong lúc bà T mở khóa thì ông B tự ý bỏ đi đâu không rõ, ông Q đề nghị bà T khóa cửa Phòng trọ 1T lại và không kiểm tra tài sản bên trong vì không có mặt ông B.

Ngày 03/05/2010, Công an tiếp tục mời ông B, bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B tự vào kiểm tra các tài sản của mình, nhưng ông B không thực hiện mà xác định bị mất số tiền 26.000.000 VNĐ cất giấu dưới gối nằm. Cán bộ được phân công nhiệm vụ đã lập biên bản ghi nhận lại việc trong Phòng trọ 1T có những tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 63FA-7540; 01 xe mô tô biển số 60FE-6895; 01 chiếc xe đạp đã qua sử dụng; 01 chiếc máy tivi (không rõ đặc điểm); 02 chiếc máy Radio (không rõ đặc điểm); số tiền 370.000 VNĐ và các vật dụng cá nhân khác của ông B. Trong đó, các vật dụng cá nhân của ông B gồm: Quần, áo, chăn mền, gối nằm, nôi, chén, đĩa, các phụ tùng của xe máy... Do các đồ vật cá nhân của ông B có giá trị thấp, nên cán bộ không có liệt kê chi tiết thể hiện trong biên bản tự kiểm tra tài sản. Sau khi kiểm tra, Công an đã giao cho ông B tự bảo quản các tài sản có trong phòng trọ nhưng ông B không đồng ý và tiếp tục bỏ đi. Nên Công an yêu cầu bà T khóa cửa Phòng trọ 1T lại và sẽ cho ông B lấy tài sản nếu có quay lại phòng trọ.

Sau đó, ông B nộp đơn tố giác bà T cùng đồng bọn mở cửa Phòng trọ 1T để lấy trộm số tiền 26.000.000 VNĐ. Qua xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự Trộm cắp tài sản, xảy ra tại Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở trọ số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA (nay là khu phố BT, phường TG, thị xã TA), tỉnh Bình Dương do không có sự việc phạm tội xảy ra. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đã được gửi cho Viện kiểm sát thị xã TA và có văn bản trả lời nội dung tố giác của ông B.

Khoảng năm 2011, năm 2012, bà T sửa chữa lại cơ sở trọ và đập bỏ dãy phòng trọ có Phòng trọ 1T, số tài sản của ông B để trong Phòng trọ 1T, bà T đem đến Công an xã TG giao nộp. Ngày 07/01/2016, Công an phường TG chuyển các tài sản trên đến Công an thị xã TA quản lý, khi chuyển giao có biên bản giao nhận kèm theo. Việc Công an thị xã TA giữ các tài sản của ông B là do bà Lê Thị Thanh T giao nộp cho Công an phường TG chuyển đến, hoàn toàn không có việc Công an thị xã TA niêm phong Phòng trọ 1T, địa chỉ 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương và niêm phong các tài sản của ông B để trong phòng trọ như yêu cầu khởi kiện của ông B. Sau khi tiếp nhận các tài sản trên, Công an thị xã TA đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Sỹ B đến nhận lại tài sản, nhưng ông B nại nhiều lý do không đến nhận.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông B, Công an thị xã TA có ý kiến như sau: Đối với số tài sản Công an thị xã TA đang quản lý, đề nghị ông B liên hệ Công an thị xã TA để nhận lại. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu này là không có căn cứ nên Công an thị xã TA không chấp nhận. Công an thị xã TA không có bất kỳ hành vi gì trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình làm gây thiệt hại đến

quyền lợi của ông Nguyễn Sỹ B như yêu cầu khởi kiện của ông B, đề nghị Tòa án giải quyết bác tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông B.

** Tại Bản tự khai ngày 15/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh T trình bày:* Bà T là chủ cơ sở Nhà trọ địa chỉ tại: Số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Cơ sở Nhà trọ này là của bà Trần Thị G (mẹ bà T) giao cho bà T quản lý, sử dụng, thu tiền của người ở trọ từ đầu năm 2009. Ông Nguyễn Sỹ B thuê Phòng trọ 1T của khu Nhà trọ từ khoảng đầu năm 2009, giá thuê là 180.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình ở trọ, ông B thanh toán tiền không đầy đủ. Mặt khác, do cơ sở Nhà trọ xuống cấp nên bà T muốn sửa chữa lại nên đã thông báo cho ông B là bà T sẽ lấy lại phòng trọ này. Khoảng tháng 3 hay tháng 4 gì đó của năm 2010 (không xác định cụ thể), bà T có thông báo cho ông B sẽ lấy lại phòng trọ và yêu cầu ông B phải thanh toán hết tiền còn thiếu, dọn hết đồ đạc để trả lại phòng trọ cho bà T, nhưng ông B không thanh toán tiền và cũng không dọn đồ đạc mà khóa cửa phòng lại rồi bỏ đi đâu không rõ. Do ông B bỏ đi nên bà T đã khóa chông khóa để khi ông B về phòng, sẽ liên hệ trả phòng cho bà T sửa chữa, nhưng cũng từ đó ông B không quay lại để nhận lại đồ của ông B trong phòng trọ.

Sau đó, ông B tố cáo bà T về việc mất số tiền tại phòng trọ. Công an huyện TA có cử ông Nguyễn Minh Q là cán bộ Công an và ông Trần Văn N là Công an viên xã TG đến kiểm tra Phòng trọ 1T. Khi kiểm tra, Công an đã yêu cầu bà T với ông B tự kiểm tra lại toàn bộ tài sản trong phòng, nhưng không thấy số tiền ông B kêu mất. Sau khi kiểm tra xong, Công an yêu cầu ông B lấy tài sản để giao phòng trọ cho bà T, nhưng ông B không đồng ý và cũng không ký vào biên bản. Do đó, ông Q và ông N yêu cầu khóa phòng trọ này lại để bảo quản tài sản, yêu cầu ông B khi nào về thì báo cho Công an và bà T để lấy tài sản. Tuy nhiên, sau đó ông B bỏ đi không về lần nào nữa.

Khoảng năm 2011, Phòng trọ 1T chứa đồ của ông B bị chập điện do ngập nước nên bà T đã phá khóa phòng trọ, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương là cán bộ ấp BT, xã TG. Những đồ đạc trong phòng trọ này, bà T đã giao cho Công an xã TG quản lý nhưng không nhớ chính xác các tài sản của ông B khi giao cho Công an xã TG. Sau đó, bà T đã sửa chữa lại phòng trọ. Hiện nay, bà T đã sửa chữa hết khu nhà trọ nên Phòng trọ 1T không còn, bà T không còn quản lý bất kỳ tài sản nào của ông B và không có yêu cầu gì đối với số tiền thuê phòng trọ ông B còn thiếu. Bà T xác định không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến số tài sản mà ông B để tại Phòng trọ T1, thuộc cơ sở Nhà trọ của bà T. Ông B đã làm cho bà T mất danh dự, tiền bạc, mất công ăn việc làm, đề nghị Tòa án sớm xem xét xử lý vụ án để không làm mất thêm thời gian của bản thân bà T và những người khác.

** Tại Bản tự khai ngày 04/3/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Q trình bày:* Ông Q là cán bộ Công an thị xã TA từ năm 2009 đến năm 2014. Ngày 29/4/2010, ông Nguyễn Sỹ B đến Công an huyện (nay là thị xã) TA trình báo về việc bị bà Lê Thị Thanh T (quản lý cơ sở Nhà trọ) tự ý mở khoá Phòng trọ 1T (do ông B thuê) thuộc cơ sở Nhà trọ địa chỉ số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA, tỉnh Bình Dương lấy số tiền 26.000.000 VNĐ được cất giấu trong gối nằm để tại phòng trọ. Sau khi tiếp nhận tin tố giác, được sự phân công của Lãnh đạo cơ quan, ông Q phối hợp cùng ông Trần Văn N - Công an viên Công an xã TG đến cơ sở trọ của bà T để xác minh nội dung tố giác và đề nghị bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B vào kiểm tra lại

tài sản của mình. Tuy nhiên, ông B không đồng ý mà tự ý bỏ đi nên không thể mở cửa phòng trọ và bà T vẫn dùng ổ khoá của mình để khoá cửa Phòng trọ 1T. Đến ngày 03/5/2010, ông B đến liên hệ cơ quan Công an và đồng ý quay lại Phòng trọ 1T để kiểm tra tài sản của mình. Vào khoảng 11 giờ ngày 03/5/2010, bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B tự vào kiểm tra các tài sản của mình. Thời điểm này, ông B cho biết không tìm thấy số tiền 26.000.000 VNĐ cất giấu dưới gối nằm. Đồng thời, ông Q và ông N lập biên bản ghi nhận lại sự việc trong Phòng trọ 1T có những tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 63FA-7540, 01 xe mô tô biển số 60FE-6895, 01 chiếc xe đạp đã qua sử dụng, 01 chiếc máy tivi (không rõ đặc điểm), 02 chiếc máy Radio (không rõ đặc điểm), số tiền 370.000 VNĐ và các vật dụng cá nhân khác của ông B. Trong đó, các vật dụng cá nhân của ông B gồm: quần, áo, chăn mền, gối nằm, nôi, chén, đĩa, các phụ tùng của xe máy. Do các đồ vật cá nhân của ông B có giá trị thấp nên không có liệt kê chi tiết trong biên bản tự kiểm tra tài sản. Sau đó, ông Q đề nghị ông B tự bảo quản các tài sản trong phòng trọ và bà T không được khoá cửa Phòng trọ 1T. Tuy nhiên, ông B không đồng ý tự bảo quản tài sản và tiếp tục bỏ đi. Vì vậy, ông Q yêu cầu bà T khoá cửa Phòng trọ 1T lại và để cho ông B lấy tài sản nếu có quay lại phòng trọ. Ông Q và ông N không tạm giữ bất kỳ tài sản nào của ông B. Sau đó, ông B nộp đơn tố giác bà T cùng đồng bọn mở cửa Phòng trọ 1T để lấy trộm số tiền 26.000.000 VNĐ. Qua xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự “*tội trộm cắp tài sản*”, xảy ra tại Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở trọ số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA, tỉnh Bình Dương do không có sự việc phạm tội xảy ra.

Đối với số tài sản để tại Phòng trọ 1T, bà T không thấy ông B đến lấy lại. Năm 2011, bà T sửa chữa lại cơ sở trọ và đập bỏ dãy phòng trọ có Phòng trọ 1T; còn số tài sản của ông B để trong phòng trọ, bà T đem đến Công an phường TG nộp. Việc đập bỏ Phòng trọ 1T thì Công an phường TG và Cơ quan Cảnh sát điều tra không biết. Hiện số tài sản của ông B do bà T nộp đã được Công an phường TG chuyển đến Công an thị xã TA quản lý.

** Tại Bản tự khai ngày 04/3/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:* Ông N là Công an viên xã TG. Năm 2010, ông N được Công an xã giao nhiệm vụ cùng Công an huyện TA tiến hành xác minh nội dung đơn tố giác của ông Nguyễn Sỹ B về việc bà Lê Thị Thanh T (quản lý cơ sở trọ) tự ý mở khoá Phòng trọ 1T (do ông B thuê) thuộc cơ sở trọ địa chỉ số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA, tỉnh Bình Dương và lấy số tiền 26.000.000 VNĐ được cất giấu trong gối nằm để tại phòng trọ. Ông N cùng ông Nguyễn Minh Q đã đề nghị bà T mở cửa phòng để ông B tự kiểm tra, nhưng ông B không đồng ý và tự ý bỏ đi. Đến ngày 03/5/2010, ông B đến liên hệ cơ quan Công an và đồng ý quay lại Phòng trọ 1T để kiểm tra tài sản của mình. Vào khoảng 11 giờ ngày 03/5/2010, bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B tự vào kiểm tra các tài sản của mình. Thời điểm này, ông B cho biết không tìm thấy số tiền 26.000.000 VNĐ cất giấu dưới gối nằm. Ông Q và ông N đã lập biên bản ghi nhận sự việc. Sau đó, ông N không biết sự việc gì khác mà chỉ nghe nói lại là: Số tài sản của ông B, do ông B không đến lấy và bà T sửa nhà trọ nên giao cho Công an phường TG quản lý, rồi Công an phường TG giao cho Công an thị xã TA quản lý.

** Tại Bản tự khai ngày 19/4/2019, Văn bản số 405/CV-CAP ngày 06/6/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công an phường TG do ông Nguyễn Văn H2 đại diện trình bày:* Ngày 29/4/2010, Công an xã (nay là phường) TG có phân công ông

Trần Văn N là Công an viên áp BT phối hợp với ông Nguyễn Minh Q là cán bộ Công an huyện TA xác minh đơn tố giác của ông Nguyễn Sỹ B, tố cáo bà Lê Thị Thanh T tự ý mở cửa Phòng trọ 1T (do ông B thuê) thuộc cơ sở trọ địa chỉ số 2/8 ấp BT, xã TG. Công an đã yêu cầu bà T mở cửa phòng trọ cho ông B tự kiểm tra tài sản của mình, nhưng ông B không đồng ý mà tự ý bỏ đi nên Công an xã đã niêm phong cửa Phòng trọ 1T chờ ông B đến làm việc. Ngày 03/5/2010, ông B đến Công an huyện TA đề nghị quay lại Phòng trọ 1T để kiểm tra tài sản của mình, nên Công an xã TG đã tháo bỏ niêm phong cửa Phòng trọ 1T, đề nghị bà T mở cửa để ông B tự kiểm tra tài sản của mình và giao tài sản cho ông B quản lý, yêu cầu bà T không được khóa cửa Phòng trọ 1T. Tuy nhiên, ông B không đồng ý mà tiếp tục bỏ đi nên Công an xã TG đã đề nghị bà T khóa cửa Phòng trọ 1T lại để quản lý tài sản và để cho ông B đến lấy tài sản nếu có quay lại. Từ đó, Công an xã TG không còn niêm phong Phòng trọ 1T nữa.

Năm 2011, bà T đưa một số tài sản của ông B để tại Phòng trọ 1T giao cho Công an phường TG quản lý. Năm 2016, Công an phường TG đã bàn giao cho Công an thị xã TA các tài sản của ông Nguyễn Sỹ B mà bà T giao cho Công an phường TG trước đây, gồm: 01 xe mô tô honda 67 biển số 63FA-7540, số máy 214893, số khung 236095; 01 xe cup 50 biển số 60FE-6895, số máy 6279274, số khung 627943; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 ti vi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chấm chì; 01 bình nước, các tài sản này đều đã qua sử dụng.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quốc T2 trình bày:* Ông T2 là cán bộ Công an thị xã TA. Ngày 07/01/2016, ông T2 được lãnh đạo Công an thị xã TA giao nhiệm vụ tiếp nhận các tài sản do Công an phường TG bàn giao (do ông Huỳnh Quang N1 là Công an phường TG đưa đến) có lập biên bản giao nhận gồm: 01 xe mô tô honda 67 biển số 63FA-7540, số máy 214893, số khung 236095; 01 xe honda cup 50 biển số 60 FE-6895, số máy 6279274, số khung 627943; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 ti vi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chấm chì; 01 bình nước, các tài sản này đều đã qua sử dụng. Sau khi nhận tài sản, ông T2 đưa vào kho của Công an thị xã TA để quản lý theo quy định.

** Tại Bản tự khai ngày 19/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quang N1 trình bày:* Ông N1 là cán bộ Công an phường TG. Vào ngày 07/01/2016, ông N1 được lãnh đạo Công an phường TG giao nhiệm vụ bàn giao cho Công an thị xã TA các tài sản của ông Nguyễn Sỹ B mà bà Lê Thị Thanh T đã giao cho Công an phường TG trước đây. Công an thị xã TA do ông Tạ Quốc T2 tiếp nhận, có lập biên bản giao nhận gồm: 01 xe mô tô honda 67 biển số 63 FA-7540, số máy 214893, số khung 236095; 01 xe honda cup 50, biển số 60FE-6895, số máy 6279274, số khung 627943; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 ti vi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chấm chì; 01 bình nước, các tài sản này đều đã qua sử dụng.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh S trình bày:* Ông S đứng tên đăng ký xe mô tô nhãn hiệu honda biển số 63 FA-7540, số máy 214893, số khung 236095, Giấy chứng nhận đăng ký xe số A0011389 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp năm 1996 và đã bán xe vào năm 1997, không rõ họ tên người mua nhưng người mua không phải ông Nguyễn Sỹ B, ông S không có yêu cầu gì với chiếc xe này do đã bán cho người khác.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA đã căn cứ Điều 30, Điều 31, khoản 1 Điều 116, khoản 1 và khoản 2

Điều 157, Điều 193, Điều 194, Điều 204 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ B về việc yêu cầu Công an thị xã TA chấm dứt hành vi trái pháp luật, tháo dỡ niêm phong tài sản tại Phòng trọ 1T, cơ sở nhà trọ địa chỉ 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Sỹ B về việc yêu cầu Công an thị xã TA phải bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi trái pháp luật gây ra số tiền là 1.009.800.000 đồng; số tiền 26.800.000 đồng để trong gói và số tiền 370.000 đồng khi lập biên bản kiểm tra nhà trọ;

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Sỹ B về việc yêu cầu Công an thị xã TA phải trả 01 xe đạp thể thao, 01 tivi 36 inch, 02 radio National, 01 dàn âm ly, 02 loa thùng, 01 quạt máy, 01 nồi cơm điện, 01 ấm đun, 10 bộ vỏ xăm mô tô hãng Kenda, 10 bộ phớt chắn 3 trước Honda Wave, 10 bộ phớt nhún sau Honda Wave anpha, 10 bình xăng con Honda Wave anpha, 10 bộ mâm điện 06 cuộn Honda Wave anpha, các bạc đạn xe máy, phụ tùng xe máy, IC, mô bin sườn.

2. Giao cho Nguyễn Sỹ B các tài sản gồm: 01 xe mô tô honda kiểu dáng 67, biển số 63FA-7540, số máy SS 50E-214893, số khung 236095; 01 xe honda loại cup 50, biển số 60FE-6895, số máy C50E-6279274, số khung C50-627943; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 tivi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chằm chì; 01 bình nước. Ông B có quyền liên hệ Công an thị xã TA để nhận lại các tài sản trên.

Trường hợp có tranh chấp đối với 01 xe mô tô biển số 63FA-7540, số máy SS 50E-214893, số khung 236095 và xe mô tô biển số 60FE-6895, số máy C50E 6279274, số khung C50-627943 thì giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Sỹ B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA hoàn trả cho ông Nguyễn Sỹ B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015067 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TA.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 31/7/2019, người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ B có đơn kháng cáo toàn bộ phần quyết định của bản án sơ thẩm với lý do trái pháp luật một cách nghiêm trọng.

Ngày 15/10/2019, người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ B có “Đơn đề nghị xác định rõ” đề ngày 16/01/2019, cụ thể: Ông B yêu cầu Công an thị xã TA bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh do hành vi trái pháp luật của Công an thị xã TA gây ra tính từ ngày 03/5/2010 đến ngày 24/10/2019 là 09 năm 05 tháng 21 ngày x 300.000 đồng/ngày với số tiền 1.036.800.000 đồng. Ngày 31/10/2019, ông B có “Đơn thư đến” xác định: Tài sản niêm phong bằng hiện vật, yêu cầu trả bằng hiện vật; nếu để mất mát, hư hỏng bằng mọi hình thức thì quy đổi ra bằng tiền. Chi phí phát sinh kéo dài ngày nào thì phải trả chi phí phát sinh ngày ấy, mốc thời gian tính kể từ ngày 03/5/2010.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Sỹ B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của mình, tại phiên tòa Luật sư Nguyễn Tấn Th và Luật sư Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông B còn cho rằng:

Tại Văn bản số 992/CATX-ĐTTH ngày 25/10/2016 của Công an thị xã TA đã xác định việc niêm phong tài sản của ông B nhưng nội dung của bản án sơ thẩm lại không đề cập đến Văn bản số 992/CATX-ĐTTH ngày 25/10/2016; yêu cầu khởi kiện của ông B đã được quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu rõ, nhưng bản án sơ thẩm đưa ra những tình tiết lung tung và phải tạm dừng phiên tòa đến ba bốn lần. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Luật sư Đặng Gia H1 có ý kiến tranh luận: Lý do và căn cứ kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ B là tại Văn bản số 168/CQĐT ngày 18/3/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TA và Văn bản số 992/CATX-ĐTTH ngày 25/10/2016 của Công an thị xã TA đã xác định có niêm phong tài sản của ông B để tại Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở nhà trọ địa chỉ 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Việc niêm phong tài sản trái pháp luật của Công an thị xã TA làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, thu nhập của ông B. Bản thân ông B là người cao tuổi, đã tham gia kháng chiến, sau khi hòa bình lập lại thể hiện nguyện vọng của gia đình nên ông B đi tìm mộ liệt sỹ tại tỉnh Bình Dương, thuê nhà trọ của bà T để ở và xây tranh chấp, đứng ra Công an thị xã TA phải bảo vệ người có công với Nhà nước, nhưng không thực hiện mà lại tiếp tay cho bà T thực hiện hành vi sai trái. Việc làm của Công an thị xã TA là lạm quyền, thực hiện hành vi trái pháp luật nên phải bồi thường thiệt hại. Bản thân ông B mặc dù cao tuổi, nhưng có trình độ hiểu biết và có tay nghề cao về xe máy, đồ điện nên yêu cầu bồi thường về thu nhập bị mất từ ngày 03/5/2010 đến ngày 14/11/2019 là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án, nhận thấy: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019 của Tòa án tại Công an thị xã TA thì có các tài sản gồm: 01 xe mô tô honda kiểu dáng 67, biển số 63FA-7540, số máy SS50E-214893, số khung 230695; 01 xe honda loại cup 50 biển số 60FE-6895, số máy C50E-6279274, số khung C50-627943; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 tivi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chằm chì; 01 bình nước. Các tài sản này phù hợp với các tài sản Công an phường TG bàn giao cho Công an thị xã TA tại Biên bản ngày 07/01/2016. Công an thị xã TA đồng ý giao trả lại số tài sản này cho ông B nên ông B liên hệ với Công an thị xã TA để nhận lại. Về yêu cầu Công an thị xã TA bồi thường số tiền 26.800.000 đồng để trong gói bị mất và số tiền 370.000 đồng khi kiểm tra nhà trọ, nhận thấy: Ông B nộp đơn tố giác tội phạm về hành vi trộm cắp tài sản số tiền 26.000.000 đồng; qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA đã ra quyết định không khởi tố do không có sự việc phạm tội xảy ra; đối với số tiền 370.000 đồng, theo Biên bản ngày 15/6/2011 giao nhận giữa bà T với Công an phường TG và Biên bản giao nhận ngày 07/01/2016 giữa Công an phường TG với Công an thị xã TA không thể hiện việc giao nhận số tiền 370.000 đồng, nên không có căn cứ xác định Công an thị xã TA giữ số tiền này của ông B. Đối với yêu cầu bồi thường giá trị các tài sản bị mất của ông B, nhận thấy: Theo biên bản ghi nhận tài sản tại Phòng trọ 1T ngày 03/05/2010; Biên bản giao nhận ngày 15/6/2011

giữa bà T với Công an phường TG và Biên bản giao nhận ngày 07/01/2016 giữa Công an phường TG với Công an thị xã TA đều không thể hiện các tài sản này; ông B không cung cấp được chứng cứ để chứng minh Công an thị xã TA giữ các tài sản này của ông B, nên không có căn cứ buộc Công an thị xã TA trả lại hoặc bồi thường giá trị các tài sản này. Ngoài ra, ông B còn cho rằng hành vi niêm phong tài sản trái pháp luật của Công an thị xã TA, gây ra thiệt hại cho ông B mỗi ngày 300.000 đồng nên yêu cầu Công an thị xã TA phải bồi thường số tiền 1.009.800.000 đồng. Như đã phân tích ở trên thì Công an thị xã TA không có hành vi niêm phong tài sản của ông B trái pháp luật nên yêu cầu bồi thường của ông B là không có căn cứ. Do vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ B là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ B, có căn cứ xác định đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi hành chính gây ra*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính. Sau khi Tòa án nhân dân thị xã TA tuyên Bản án số 01/2019/HC-ST ngày 31/7/2019, người khởi kiện ông Nguyễn Sỹ B làm đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi thì ông Nguyễn Sỹ B là “*người cao tuổi*” nên được “*miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí*” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 “*quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*” nên đơn kháng cáo của ông B là hợp lệ.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện vụ án, nhận thấy: Ngày 03/5/2010, Công an huyện (nay là thị xã) TA lập biên bản ghi nhận tài sản tại Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở Nhà trọ địa chỉ số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA. Ngày 07/01/2016, Công an thị xã TA lập biên bản về việc trả lại tài sản cho ông Nguyễn Sỹ B, nhưng ông B không ký nhận và bỏ về vì cho rằng không đúng tài sản của ông B (bút lục 144). Ngày 29/4/2016, ông B làm đơn khởi kiện hành vi hành chính của Công an thị xã TA và yêu cầu bồi thường thiệt hại (bút lục 187) là còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Sỹ B là người thuê Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở trọ của bà Trần Thị G (do bà Lê Thị Thanh T quản lý) tại địa chỉ: Số 2/8 ấp BT, xã TG, huyện TA (nay là khu phố BT, phường TG, thị xã TA), tỉnh Bình Dương kể từ ngày 18/3/2009 với giá thuê là 180.000 đồng/tháng. Do ông B thuê Phòng trọ 1T nhưng không đóng tiền thuê phòng đúng hạn, thiếu tiền điện, tiền nước nhiều tháng nên sáng ngày 28/4/2010, bà Lê Thị Thanh T gặp ông B để yêu cầu đóng tiền và thông báo cho ông B tăng giá thuê phòng trọ. Ông B không đóng tiền mà còn cự cãi nên bà T không cho ông B thuê phòng nữa, bà T yêu cầu ông B trả phòng nhưng ông B không đồng ý và khóa cửa phòng bỏ đi. Sau đó, bà

T nhờ một số người xung quanh như: Ông Nguyễn Châu, ông Nguyễn Ngọc Lượm dùng chìa khóa công lực cắt ổ khóa Phòng trọ 1T rồi dùng ổ khóa khác thay vào, có sự chứng kiến của ông Lê Văn L là Tổ trưởng tổ 1, ấp BT, xã TG. Cùng ngày 28/4/2010, ông B làm đơn tố giác đến Công an huyện TA về việc bà T tự ý mở khoá Phòng trọ 1T, làm cho ông B bị mất số tiền 26.800.000 đồng được cất giấu trong gói nằm để tại phòng trọ. Sau khi tiếp nhận đơn, Công an huyện TA phân công ông Nguyễn Minh Q phối hợp cùng Công an xã TG đến cơ sở trọ để xác minh nội dung đơn tố giác. Ngày 29/4/2010, Công an huyện TA (do ông Q đại diện) mời bà T, ông B và đại diện Công an xã TG cùng có mặt tại Phòng trọ 1T, để bà T mở cửa phòng trọ kiểm tra thực tế tại phòng. Trong lúc bà T mở khóa thì ông B tự ý bỏ đi nên ông Q yêu cầu bà T khóa cửa Phòng trọ 1T lại, không kiểm tra tài sản bên trong vì vắng mặt ông B; đồng thời Công an xã (nay là phường) TG “*đã niêm phong cửa Phòng trọ 1T để chờ ông B đến làm việc*” (bút lục 508). Ngày 03/5/2010, ông B đến Công an huyện TA liên hệ để quay lại Phòng trọ 1T kiểm tra tài sản của mình nên vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, Công an huyện TA kết hợp với Công an xã TG mời ông B, bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B tự kiểm tra các tài sản của mình, nhưng ông B không thực hiện mà xác định bị mất số tiền 26.800.000 đồng cất giấu dưới gói nằm; ông Nguyễn Minh Q đã tiến hành lập “*Biên bản về việc mở cửa Phòng trọ 1T*” ghi nhận trong Phòng trọ 1T có những tài sản như sau: 01 xe mô tô biển số 63FA-7540, 01 xe mô tô biển số 60FE-6895, 01 xe đạp đã cũ, số tiền 370.000 đồng, 01 tivi, 02 máy radio và các vật dụng cá nhân khác của ông B, nhưng ông B ghi “*vẫn B này chưa rõ sự thật*” nên không ký vào biên bản (bút lục 17). Sau khi kiểm tra, Công an giao cho ông B tự bảo quản các tài sản trong phòng trọ, nhưng ông B không đồng ý và tiếp tục bỏ đi nên Công an xã TG yêu cầu bà T khóa cửa Phòng trọ 1T lại để quản lý tài sản. Sau đó, ông B nộp đơn tố giác bà T cùng đồng bọn mở cửa Phòng trọ 1T để lấy trộm số tiền 26.800.000 đồng, nhưng qua xác minh, thu thập chứng cứ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TA không khởi tố vụ án hình sự vì lý do không có sự việc phạm tội xảy ra. Năm 2011, bà T sửa chữa lại cơ sở Nhà trọ và đập bỏ dãy Nhà trọ có Phòng trọ 1T của ông B thuê; số tài sản của ông B để trong phòng, bà T đã phá khóa cửa có sự chứng kiến của cán bộ ấp BT, xã TG và đem đến Công an xã TG giao nộp. Từ năm 2010, ông B liên tục làm đơn khiếu nại kéo dài đến nhiều cấp, nhiều ngành để yêu cầu Công an thị xã TA tháo dỡ niêm phong, trả lại tài sản. Ngày 07/01/2016, Công an thị xã TA lập “*biên bản về việc trả lại tài sản*” cho ông Nguyễn Sỹ B, nhưng ông B không nhận vì cho rằng không đúng tài sản của ông B. Đến ngày 29/4/2016, ông B khởi kiện hành vi hành chính của Công an thị xã TA và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Sỹ B, nhận thấy: Ông B yêu cầu Công an thị xã TA chấm dứt hành vi niêm phong tài sản của ông B trái pháp luật tại Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở Nhà trọ của bà Trần Thị G, địa chỉ số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị Thanh T quản lý để yêu cầu trả lại tài sản cho ông B gồm: Số tiền 26.800.000 đồng bị mất; số tiền 370.000 đồng khi kiểm tra phòng trọ; 01 xe mô tô biển số 63FA-7540, số máy 214893, số khung 236095; 01 xe mô tô biển số 60FE-6895, số máy 6279274, số khung 627943; 01 xe đạp thể thao do Nhật Bản sản xuất (không rõ loại xe); 01 ti vi 36 inch do Nhật Bản sản xuất (không rõ loại ti vi); 02 radio hiệu National hãng Nhật Bản; 01 Dàn âm ly chính hãng Nhật Bản (không rõ nhãn hiệu, không nhớ chi tiết từng bộ phận); 01 đầu đĩa chính hãng Nhật Bản (không rõ nhãn hiệu); 02 loa thùng chính hãng Nhật Bản (không rõ nhãn hiệu); 01 quạt máy chính hãng Nhật Bản (không rõ nhãn hiệu); 01 nồi cơm điện chính hãng

Nhật Bản (không rõ nhãn hiệu); 01 ấm đun nước chính hãng Nhật Bản (không rõ nhãn hiệu); 10 bộ vỏ xăm mô tô hãng Kenda; 10 bộ phớt chắn 3 trước Honda Wave anpha; 10 bộ phớt nhún sau Honda Wave anpha; 10 bình xăng con Honda Wave anpha; 10 bộ mâm điện 06 cuộn Honda Wave anpha và nhiều bạc đạn xe máy, phụ tùng xe máy, IC, mô bin sườn bỏ trong nhiều bao tải (không nhớ số lượng cụ thể); trường hợp không trả được bằng hiện vật thì phải bồi thường bằng giá trị số tiền 290.900.000 đồng. Đồng thời, ông B yêu cầu Công an thị xã TA phải bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh do hành vi trái pháp luật gây ra tính từ ngày 03/5/2010 đến ngày 24/7/2019 là 09 năm 02 tháng 21 ngày x 300.000 đồng/ngày, thành tiền là 1.009.800.000 đồng. Quá trình Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án, ông B tiếp tục có “*Đơn đề nghị xác định rõ*” đề ngày 16/01/2019 yêu cầu Công an thị xã TA bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh do hành vi trái pháp luật gây ra tính từ ngày 03/5/2010 đến ngày 24/10/2019 là 09 năm 05 tháng 21 ngày x 300.000 đồng/ngày với số tiền 1.036.800.000 đồng và “*Đơn thư đến*” đề ngày 31/10/2019, yêu cầu chi phí phát sinh kéo dài ngày nào thì Công an thị xã TA phải trả chi phí phát sinh đến ngày ấy. Tuy nhiên, do phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 220 của Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi số tiền 1.009.800.000 đồng có kháng cáo của ông B.

[5] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông B căn cứ vào “*Biên bản về việc mở cửa Phòng trọ 1T ngày 03/5/2010*” do ông Nguyễn Minh Q với ông Trần Văn N lập, Văn bản số 168/CQĐT ngày 18/3/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TA (bút lục 49) và Văn bản số 992/CATX-ĐTTH ngày 25/10/2016 của Công an thị xã TA (bút lục 231) để cho rằng: Công an thị xã TA đã thực hiện hành vi niêm phong các tài sản của ông B trái pháp luật nên phải có nghĩa vụ hoàn trả và bồi thường theo quy định; ngoài các văn bản nêu trên, ông B không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh Công an thị xã TA đã có hành vi niêm phong tài sản của ông B. Tại Văn bản số 207/CATX-CTHC ngày 20/3/2019 của Công an thị xã TA (bút lục 459-460) và Văn bản số 259/CV/CSĐT ngày 07/6/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TA (bút lục 510), xác định: Công an thị xã TA không lập biên bản niêm phong tài sản của ông B, không thực hiện bất kỳ hành vi hành chính nào trái pháp luật liên quan đến tài sản của ông B, việc lập Biên bản ngày 03/5/2010 là do ông B tố cáo bà Lê Thị Thanh T xâm phạm chỗ ở hợp pháp và trộm cắp của ông B số tiền 26.800.000 đồng; các tài sản của ông B mà Công an thị xã TA đang quản lý là do bà T tự ý mang đến nộp cho Công an phường TG, sau đó Công an phường TG chuyển đến Công an thị xã TA quản lý. Công an thị xã TA đã nhiều lần yêu cầu ông B đến nhận lại nhưng ông B không đến nhận; do Công an thị xã TA không có bất kỳ hành vi gì trong việc thực hiện nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B nên việc ông B yêu cầu bồi thường thiệt hại, Công an thị xã TA không đồng ý.

[6] Xét thấy, việc Công an huyện (nay là thị xã) TA lập “*Biên bản về việc mở cửa Phòng trọ 1T ngày 03/5/2010*” là để kiểm tra tài sản nơi xảy ra sự việc nhằm thực hiện quy trình giải quyết đơn tố giác của ông Nguyễn Sỹ B. Theo biên bản trên thể hiện trong Phòng trọ 1T có những tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 63FA-7540, 01 xe mô tô biển số 60FE-6895, 01 xe đạp đã cũ, số tiền 370.000 đồng, 01 Tivi, 02 máy Radio và các vật dụng cá nhân khác của ông B, ngoài ra không phát hiện tài sản nào khác; nội dung biên bản này không thể hiện việc Công an huyện TA đã tiến hành niêm phong tài sản trong Phòng trọ 1T của ông Nguyễn Sỹ B (bút lục 17); hồ sơ vụ án cũng không có biên bản nào thể hiện việc Công an huyện (nay là thị xã) TA tiến hành niêm phong Phòng trọ 1T. Theo Văn bản số 405/CV-CAP ngày 06/6/2019 của Công an

phường TG, xác định: Ngày 29/4/2010, “Công an thị xã đề nghị bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B vào kiểm tra lại tài sản của mình. Tuy nhiên, ông B không đồng ý và tự ý bỏ đi. Vì vậy, Công an phường đã niêm phong cửa Phòng trọ 1T để chờ ông B đến làm việc. Đến ngày 03/5/2010, ông B đến Công an thị xã TA liên hệ để quay lại Phòng trọ 1T kiểm tra tài sản của mình. Qua đó, Công an phường tháo bỏ niêm phong cửa phòng trọ và đề nghị bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B tự vào kiểm tra các tài sản của mình. Sau đó, Công an phường; Công an thị xã đã đề nghị ông B tự bảo quản các tài sản có trong phòng trọ và bà T không được khóa cửa Phòng trọ 1T. Tuy nhiên, ông B không đồng ý tự bảo quản tài sản và tiếp tục bỏ đi. Vì vậy, Công an phường đề nghị bà T khóa cửa Phòng trọ 1T lại và quản lý tài sản có trong phòng. Đồng thời để cho ông B lấy tài sản nếu có quay lại phòng trọ. Ngoài ra, Công an phường không tiếp tục niêm phong Phòng trọ 1T”. Tại các bản tự khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T, ông Q, ông N cũng xác định: Sau khi Công an huyện TA phối hợp với Công an xã TG yêu cầu bà T mở cửa Phòng trọ 1T để ông B tự kiểm tra các tài sản của mình thì giao cho ông B tự quản lý tài sản, nhưng do ông B không đồng ý tự bảo quản tài sản và tiếp tục bỏ đi. Vì vậy, Công an xã TG yêu cầu bà T khóa cửa Phòng trọ 1T để quản lý tài sản trong phòng, đồng thời để cho ông B được lấy tài sản nếu có quay lại. Do đó, không có căn cứ xác định Công an huyện (nay là thị xã) TA đã thực hiện hành vi việc niêm phong tài sản của ông Nguyễn Sỹ B.

[7] Mặt khác, theo trình bày của bà Lê Thị Thanh T thì năm 2011, bà T đã đập bỏ dãy Nhà trọ có Phòng trọ 1T của ông B thuê để sửa chữa lại, số tài sản của ông B để trong phòng, bà T đã phá khóa cửa đem đến Công an xã TG giao nộp nên đối tượng niêm phong theo như ông B trình bày là không còn; tại “*Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/11/2016*” của Tòa án nhân dân thị xã TA theo hướng dẫn của ông Nguyễn Sỹ B, cũng xác định: Phòng trọ 1T, cơ sở Nhà trọ của bà Lê Thị Thanh T, tại địa chỉ: Số 2/8, khu phố BT, phường TG, thị xã TA thì “*Phòng trọ này hiện nay do bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1975 đang thuê trọ. Các tài sản như ông B trình bày qua kiểm tra thì không xác định được tài sản nào như ông B khởi kiện*” (bút lục 247). Vì vậy, việc ông Nguyễn Sỹ B khởi kiện yêu cầu Công an thị xã TA chấm dứt hành vi trái pháp luật, tháo dỡ niêm phong trả lại tài sản tại Phòng trọ 1T, cơ sở Nhà trọ địa chỉ số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương cho ông B là không có căn cứ.

[8] Xét yêu cầu giao trả lại tài sản của ông Nguyễn Sỹ B, nhận thấy: Theo “*Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện 15/6/2011*” giữa ông Nguyễn Hoàng V - Cán bộ Công an phường TG với bà Lê Thị Thanh T, có sự chứng kiến của ông Lê Văn L là bảo vệ khu phố BT, thì bà T giao nộp cho Công an phường TG gồm: “01 xe Cub 50 màu xanh lá biển số 60FE-6896, số máy C50E-6279274; 01 xe Honda 67 màu đỏ biển số 63FA-7540, số khung C50-6274793; 01 xe đạp mini Trung Q, SM SS50E-214893, SK: SS50-233095; 01 ti vi màu bạc nhãn hiệu VTB; 01 đầu đĩa VCD Tiến Đạt; 01 bếp ga đôi nhãn hiệu Kivasakura; 01 máy Casset; 01 loa nhạc” (bút lục 143). Theo “*Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án lúc 09 giờ ngày 07/01/2016*” giữa ông Huỳnh Quang N1 - Cảnh sát khu vực Công an phường TG với ông Tạ Quốc T2 - Đội trưởng Điều tra Tổng hợp Công an thị xã TA thì ông N1 bàn giao cho ông T2 các tài sản của ông B gồm: “01 xe cub 50 (Đam) BS 60FE-6896; 01 xe Honda 67 màu đỏ BS 63FA-7540; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 Tivi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chám chì; 01 bình nước (Tất cả đã qua sử dụng đã cũ)” (bút lục 142). Theo “*Biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019*” của Tòa án nhân dân thị xã TA tại Công an

thị xã TA xác định Công an thị xã TA đang quản lý các tài sản của ông B bao gồm: “01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng 67, số khung 236095, số máy SS50E-214893, biển số 63FA-7540; 01 xe mô tô hai bánh loại xe C50, nhãn hiệu Honda, số khung C50-6274793, số máy C50E-6279274, biển số 60FE-6895; 01 Tivi hiệu VTB; 01 đầu đĩa hiệu Tiến Đạt; 01 bình gas mimi; 01 đồ chấm chỉ; 01 bàn phím vi tính; 01 bình nước”; số tài sản này là phù hợp với số tài sản mà Công an phường TG đã bàn giao cho Công an thị xã TA theo “Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án lúc 09 giờ ngày 07/01/2016” và tương đối phù hợp với số tài sản mà ông Nguyễn Minh Q, ông Trần Văn N đã liệt kê tại “Biên bản về việc mở cửa Phòng trọ 1T lập ngày 03/5/2010” (bút lục 17). Quá trình giải quyết vụ án, Công an thị xã TA đồng ý giao trả lại các tài sản mà Công an thị xã TA đang quản lý theo “Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án lúc 09 giờ ngày 07/01/2016” cho ông B nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận, giao cho ông B quản lý các tài sản trên là phù hợp, nhưng do cách tuyên của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp, khó thi hành án nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[9] Tại “Biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019” của Tòa án nhân dân thị xã TA, ông B có ý kiến: “xe mô tô 02 bánh kiểu dáng 67, số khung 236095, số máy SS50E-214893, biển số 63FA-7540 là đúng số khung, số máy, biển số xe nhưng hợp số theo ông B tự kiểm tra xe ông B là 05 số nhưng kiểm tra thực tế có 04 số, bình xăng con theo ông B không đúng, 02 bộ nhún sau không đúng, không gác đỡ bu không đúng, hai càng phụt trước không đúng xe của ông B; xe mô tô 02 bánh loại C50, nhãn hiệu Honda biển số, số khung, số máy đúng nhưng theo ông B bình xăng con không đúng, gác đỡ bu và bửng không đúng của ông B; theo ông B xe trên đều zin từ cái ốc vít ông B là thợ; Tivi theo thẩm định không đúng của ông B vì tivi của ông B xác định là tivi 36 inch màu của Nhật Bản” (bút lục 505-506); tuy nhiên, ông B không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Trường hợp sau này, ông Nguyễn Sỹ B chứng minh được Công an thị xã TA trong quá trình quản lý tài sản của ông B, đã làm thay đổi tài sản, không còn nguyên vẹn theo như ông B trình bày thì ông B được quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường bằng vụ án dân sự khác.

[10] Ngoài ra, theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Việc khóa cửa Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở Nhà trọ của bà Trần Thị G tại địa chỉ số 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương để quản lý tài sản của ông B ở bên trong phòng trọ là do bà Lê Thị Thanh T thực hiện; việc đập bỏ dẫy Nhà trọ (trong đó có Phòng trọ 1T), phá khóa cửa Phòng trọ 1T lấy tài sản ông B để bên trong phòng trọ và giao nộp lại tài sản cho Công an phường TG cũng do bà Lê Thị Thanh T thực hiện; trường hợp ông B có căn cứ chứng minh việc bà Lê Thị Thanh T phá khóa cửa Phòng trọ 1T làm cho ông Nguyễn Sỹ B bị mất số tiền 26.800.000 đồng, số tiền 370.000 đồng khi mở cửa Phòng trọ 1T và các tài sản như ông B liệt kê trong đơn khởi kiện, gồm: 01 xe đạp thể thao, 01 tivi 36 inch, 02 Radio National, 01 dàn âm ly, 02 loa thùng, 01 quạt máy, 01 nồi cơm điện, 01 ấm đun, 10 bộ vỏ xăm mô tô hãng Kenda, 10 bộ phụt chẳng 3 trước Honda Wave, 10 bộ phụt nhún sau Honda Wave anpha, 10 bình xăng con Honda Wave anpha, 10 bộ mâm điện 06 cuộn Honda Wave anpha, các bạc đạn xe máy, phụ tùng xe máy, IC, mô bin sườn; và có căn cứ chứng minh Công an phường TG trong quá trình quản lý làm thất lạc tài sản của ông B, thì ông Nguyễn Sỹ B có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật để “yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” bằng vụ án dân sự khác.

[11] Như đã phân tích tại mục [6], [7], [8] và [10] nêu trên, không có căn cứ xác định: Công an thị xã TA đã thực hiện việc niêm phong tài sản của ông Nguyễn Sỹ B tại Phòng trọ 1T nên việc ông Nguyễn Sỹ B khởi kiện yêu cầu Công an thị xã TA chấm dứt hành vi niêm phong tài sản của ông B trái pháp luật tại Phòng trọ 1T để trả lại tài sản hoặc bồi thường giá trị các tài sản cho ông B là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, việc ông B yêu cầu Công an thị xã TA phải bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh do hành vi trái pháp luật gây ra, tính từ ngày 03/5/2010 đến ngày 24/10/2019 là 09 năm 05 tháng 21 ngày x 300.000 đồng/ngày, thành tiền là 1.036.800.000 đồng như đã nêu tại mục [4] là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ B và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Sỹ B nêu ra. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TA; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về án phí: Do ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1938, theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi thì ông Nguyễn Sỹ B là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Theo kết quả xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA thì số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000 đồng ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003220 ngày 05/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA đã được hoàn trả cho ông Nguyễn Sỹ B; đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, ông B nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015067 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA (bút lục 264), đã được sung quỹ Nhà nước theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2017/QĐ-PT ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Do ông B được miễn án phí và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2017/QĐ-PT ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã bị Quyết định giám đốc thẩm số 31/2018/HC-GĐT ngày 07/11/2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA phải trích hoàn trả lại cho ông Nguyễn Sỹ B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015067 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 2 của Luật Người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ B.
2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương, như sau:

Căn cứ Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và khoản 2 Điều 157, Điều 193, Điều 194, Điều 204 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. 1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ B về việc yêu cầu Công an thị xã TA chấm dứt hành vi trái pháp luật, tháo dỡ niêm phong tài sản tại Phòng trọ 1T, thuộc cơ sở Nhà trọ địa chỉ 2/8 khu phố BT, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

2. 2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Sỹ B về việc yêu cầu Công an thị xã TA bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi trái pháp luật gây ra với số tiền là 1.009.800.000 đồng; số tiền 26.800.000 đồng để trong gói và số tiền 370.000 đồng khi lập biên bản kiểm tra nhà trọ;

2. 3. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Sỹ B về việc yêu cầu Công an thị xã TA phải trả 01 xe đạp thể thao, 01 tivi 36 inch, 02 radio National, 01 dàn âm ly, 02 loa thùng, 01 quạt máy, 01 nồi cơm điện, 01 ấm đun, 10 bộ vỏ xăm mô tô hãng Kenda, 10 bộ phớt chắn 3 trước Honda Wave, 10 bộ phớt nhún sau Honda Wave anpha, 10 bình xăng con Honda Wave anpha, 10 bộ mâm điện 06 cuộn Honda Wave anpha, các bạc đạn xe máy, phụ tùng xe máy, IC, mô bin sườn.

2. 4. Công an thị xã TA giao cho ông Nguyễn Sỹ B các tài sản gồm: 01 xe mô tô Honda kiểu dáng 67, biển số 63FA-7540, số máy SS50E-214893, số khung 236095; 01 xe Honda loại cub 50, biển số 60FE-6895, số máy C50E-6279274, số khung C50-627943; 01 bàn phím vi tính; 01 đầu đĩa Tiến Đạt; 01 tivi VBT; 01 bình ga mini; 01 đồ chấm chỉ; 01 bình nước. Ông B có quyền liên hệ Công an thị xã TA để nhận lại các tài sản trên.

Trường hợp có tranh chấp đối với các phụ kiện của xe mô tô biển số 63FA-7540, số máy SS50E-214893, số khung 236095 và xe mô tô biển số 60FE-6895, số máy C50E-6279274, số khung C50-627943 thì giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Về án phí hành chính: Ông Nguyễn Sỹ B được miễn án phí hành chính theo quy định của pháp luật. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA hoàn trả cho ông Nguyễn Sỹ B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015067 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TA.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã TA;
- Chi cục THADS thị xã TA;
- Lưu: Tòa HC, Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đắc Cường
(Đã Ký)